TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 11 - 2019
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thi Văn Trí.
Ông Ngô Hoàng Sơn.
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 839/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 851/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: AnhLê Minh Đ, sinh năm 1975 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1980 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp HĐ, xã HT, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Lê Minh Đ trình bày: Anh và chị K sống chung vào năm 2000, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cự cãi nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mặc khác giữa anh và cha, mẹ vợ cũng có mâu thuẫn không hài lòng lẫn nhau. Hiện anh và chị K đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Nay anh xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng quá lớn không thể hàn gắn và anh không còn tình cảm với chị K nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị K.

Về con chung: Anh Đ xác định có 02 người con chung tên Lê Công L, sinh năm 2001, Lê Trung H, sinh ngày 27/211/2004, hiện cháu L đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án xem xét. Đối với cháu H đang sống chung với anh. Khi ly hôn anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Đ khai có nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Đ khai không có nợ ai và cũng không ai nợ lại anh, chị.

Đối với chị Nguyễn Ngọc K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử nhưng chị K đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Ngọc K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị K theo quy định tại Điều 207 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Đ và chị K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó hôn nhân giữa anh Đ và chị K đã vi phạm pháp luật về mặt hình thức. Quá trình chung sống anh Đ xác định có nhiều mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Chị K mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện bản thân chị K không có mong muốn được hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị. Mặc khác, do anh Đ và chị K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy định của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử có cơ sở tuyên bố mối quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị K không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Đ xác định có 02 người con chung tên Lê Công L, sinh năm 2001, Lê Trung H, sinh ngày 27/211/2004. Đối với Lê Công Linh đã trưởng thành nên không xem xét. Đối với Lê Trung H hiện nay đang sống chung với anh Đ và anh Đ có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kết.

Hội đồng xét xử xét thấy việc nuôi dạy con là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dạy cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và tại bản tự khai ngày 04/11/2019 cháu H có nguyện vong được sống chung với anh Đ. Do đó, tiếp tục giao cháu H cho anh Đ nuôi là hợp lý. Mặc dù, giao con cho anh Đ nuôi nhưng nếu trong thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng anh Đ gặp khó khăn hoặc cản trở việc chị K thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đối với con thì chị K vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh Đ xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị K không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Anh Đ xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh Đ khai không có, không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình anh Đ phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 207, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 14, 15, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Không công nhận anhLê Minh Đ và chị Nguyễn Ngọc K là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Lê Trung H, sinh ngày 27/11/2004, hiện đang sống với anh Đ cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng đối với chị K.

Chị K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không xem xét.

Về nợ chung: Không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: AnhLê Minh Đ phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 02/10/2019, anh Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0000852 Tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Trần Huyền Trân